

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 09-6-2023.

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn
Bà Nguyễn Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Bích Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ái H, sinh năm 1973, nơi cư trú: thôn An Thạnh 1, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Minh Ng, sinh năm 1973, nơi cư trú: số 122, đường Bùi Thị Xuân, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông H có mặt; bà Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Ái H thì: Ông H và bà Nguyễn Minh Ng có đăng ký kết hôn năm 1998 tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 122, đường Bùi Thị Xuân, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là nhà của bố mẹ bà Ng. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn không hòa thuận, hạnh phúc mà thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống

chung vợ chồng không hòa hợp nên từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, mạnh ai người đó sống không còn sự quan tâm đến nhau. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Ông H xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Doan Minh Th, sinh ngày 13/11/2000 (đã đủ tuổi thành niên) và Nguyễn Phước Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2008. Ông đồng ý giao con chung chưa thành niên cho bà Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Ng. Đồng ý giao con chung là Nguyễn Phước Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2008 cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, Ông H và bà Ng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ái H. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Minh Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Phước Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2008 cho đến khi con đủ tuổi thành niên, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Ông H xác định không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Ái H yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Minh Ng, cư trú tại: Số 122, đường Bùi Thị Xuân, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bà Ng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện thành phố Đ tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng.

[3] *Về nội dung vụ án*: Ông Nguyễn Ái H và bà Nguyễn Minh Ng có đăng ký kết hôn năm 1998 tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Ng là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa ông H và bà Ng ngay sau khi kết hôn đã không hòa thuận, hạnh phúc mà thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông H do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn này kéo dài trong nhiều năm không thể giải quyết. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Ng nhưng bà Ng đều vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình, bà Ng biết việc ông H yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng cũng không có thiện chí níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà Ng phát sinh và sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc. Như vậy, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa ông H và bà Ng là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông H ly hôn với bà Ng là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Ông H xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Doan Minh Th, sinh ngày 13/11/2000, đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Phước Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2008, ông H đồng ý

giao cháu Kh cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Kh cũng có nguyện vọng ở mẹ nên giao cháu Kh cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung, cũng không đề nghị Tòa án giải quyết, bà Ng không có văn bản trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Trường hợp, sau khi ly hôn các bên có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung*: Ông H xác định tự thỏa thuận nên không đề cập xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Ông H xác định không có nên không đề cập xem xét.

[7] *Về án phí*: Ông Nguyễn Ái H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ái H. Ông Nguyễn Ái H và bà Nguyễn Minh Ng được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phước Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2008 cho bà Nguyễn Minh Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ái H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001795 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông H đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà Ng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- UBND phường B, Tp Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Vân Anh